CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Ngày 30/06/2025	500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**0%**

DT thuần
Q2/25
0.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.14| -89.5%
YoY: ▼0.09| -84.7%

LN thuần
Q2/25
-4.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.01| 0.2%
YoY: ▼0.15| -3.2%

LN sau thuế
Q2/25
-4.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.13| -2.7%
YoY: ▼0.22| -4.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-2313%
YoY: +/-▼ 2139%

ROE (TTM)
Q2/25
3.8%
YoY: +/-▲ 0.0%

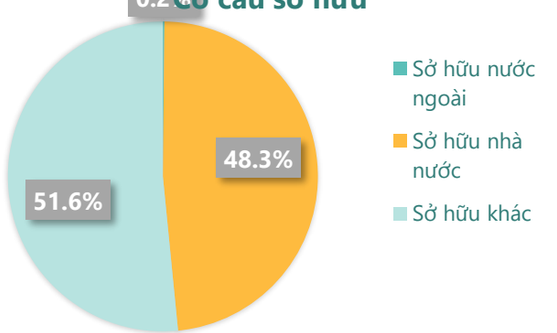
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	400 - 700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,060
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.47
EPS	-1,236
P/E	-0.4

DT thuần
6T 2025
0.18
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.10| -37.0%

LN thuần
6T 2025
-9.66
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.17| -1.8%

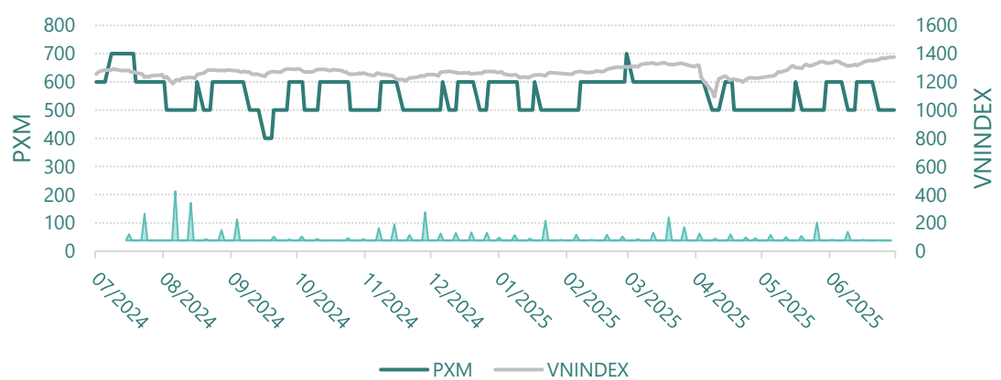
LN sau thuế
6T 2025
-9.85
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.24| -2.5%

Cơ cấu sở hữu

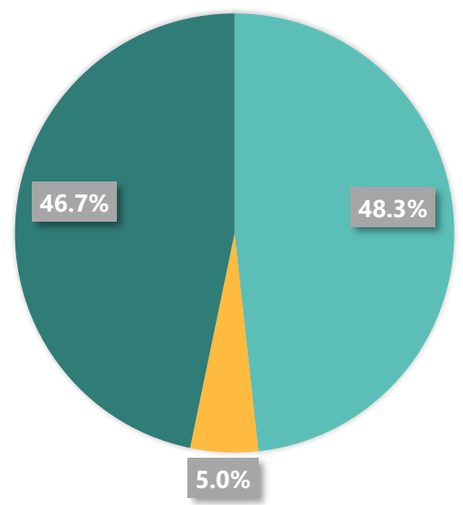


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



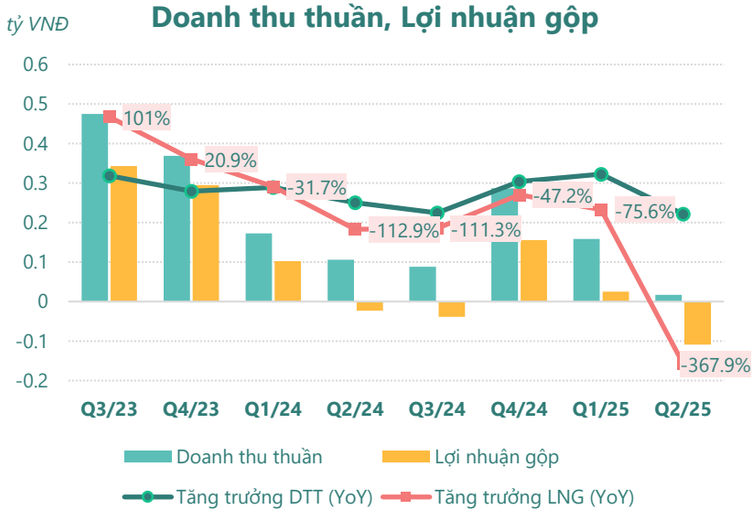
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

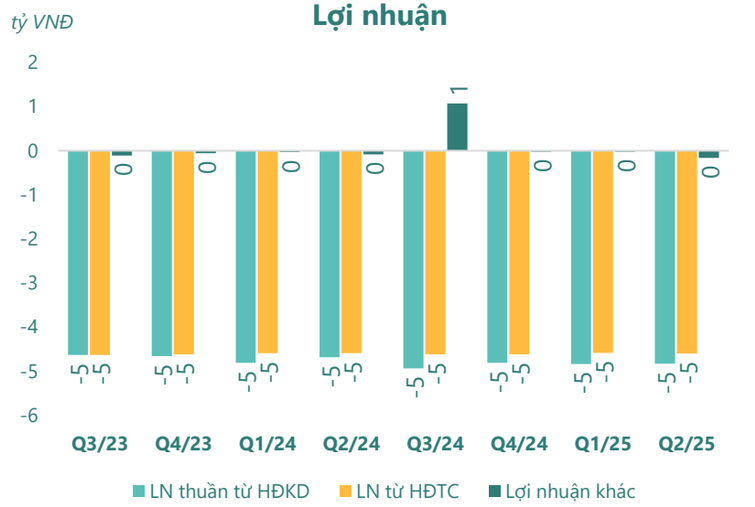
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



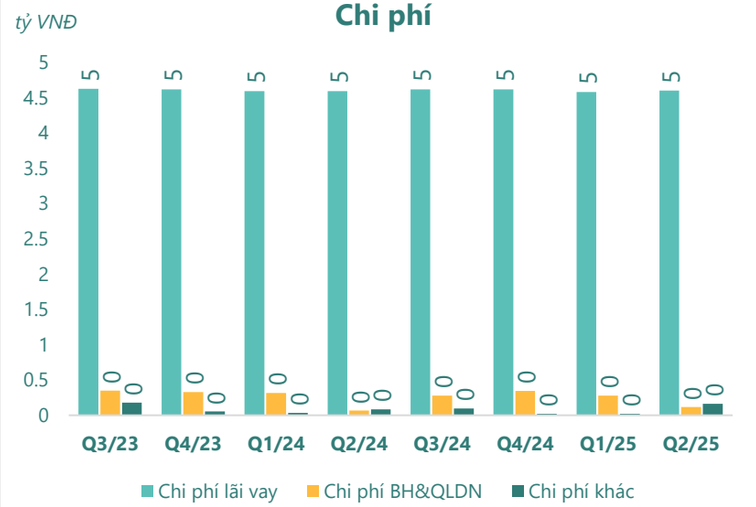
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



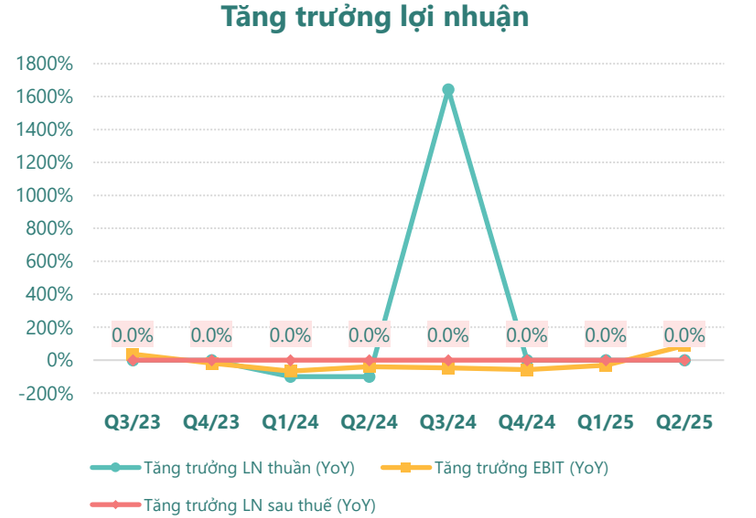
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



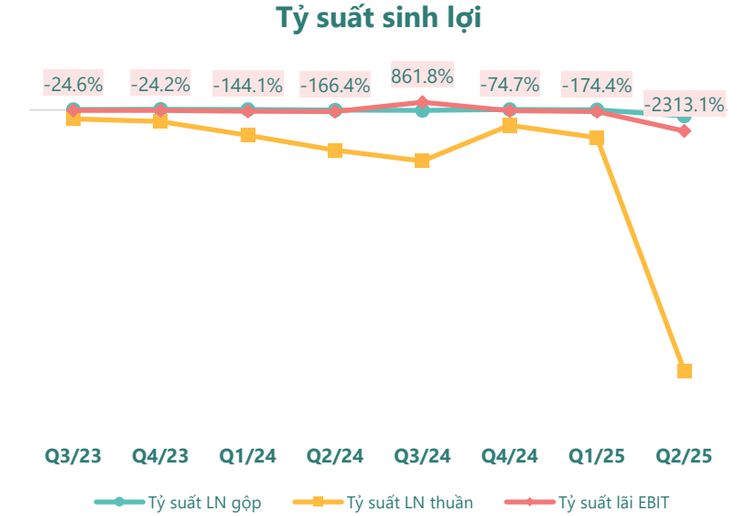
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



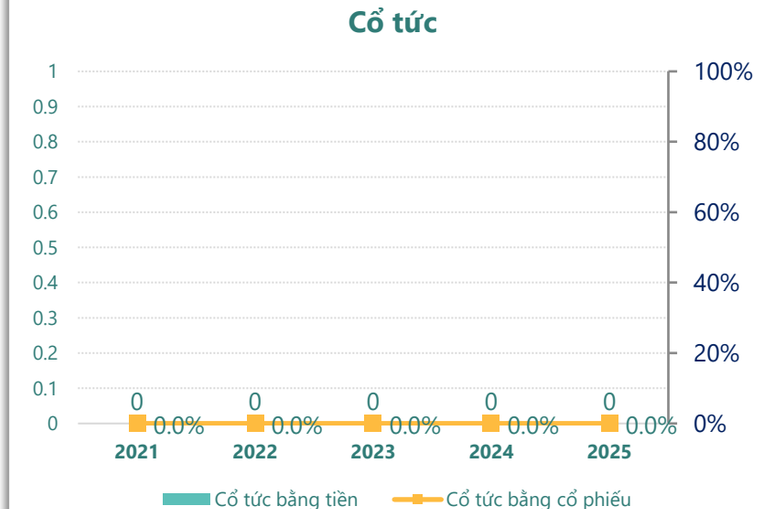
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

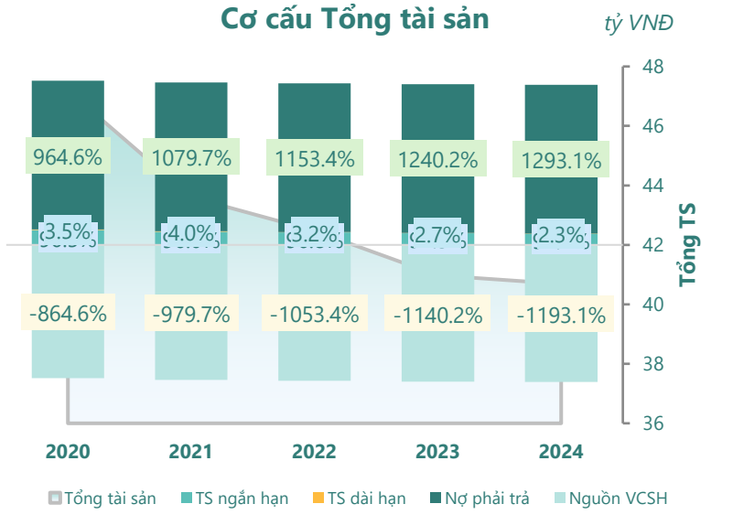
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

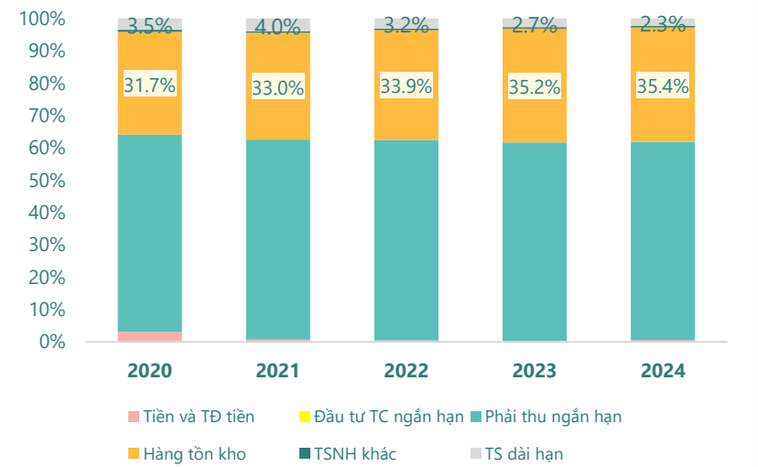
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



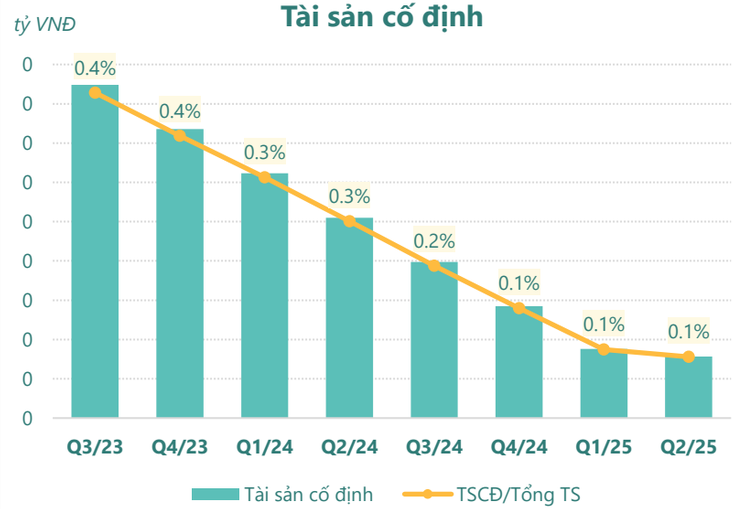
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



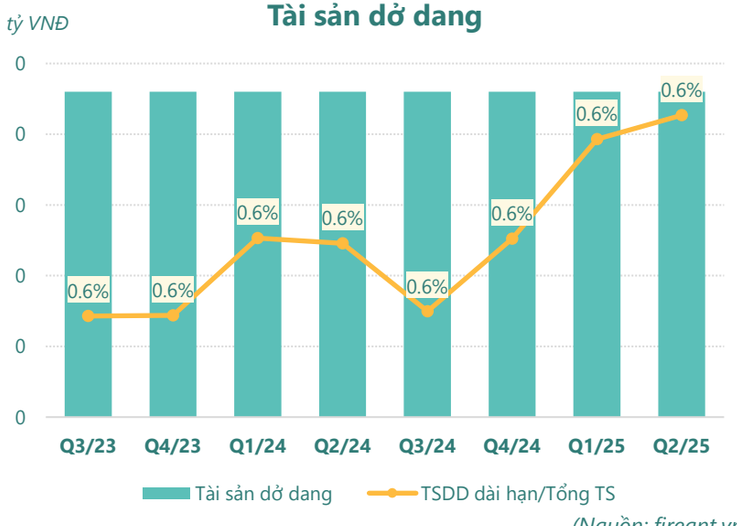
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



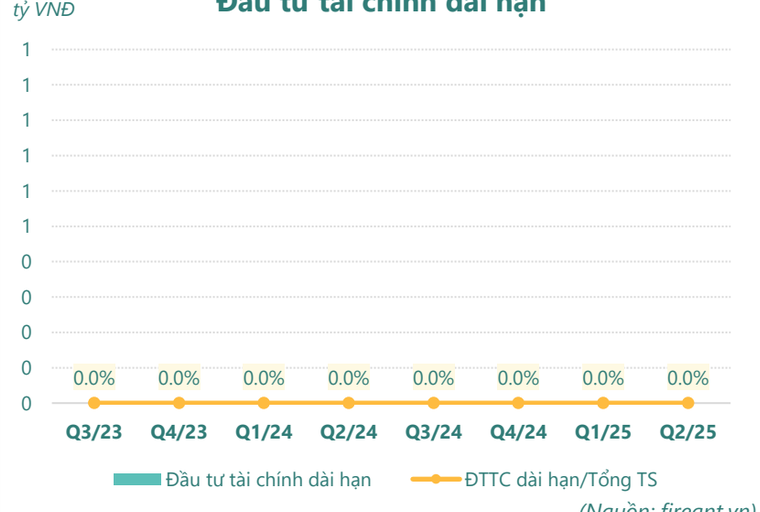
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



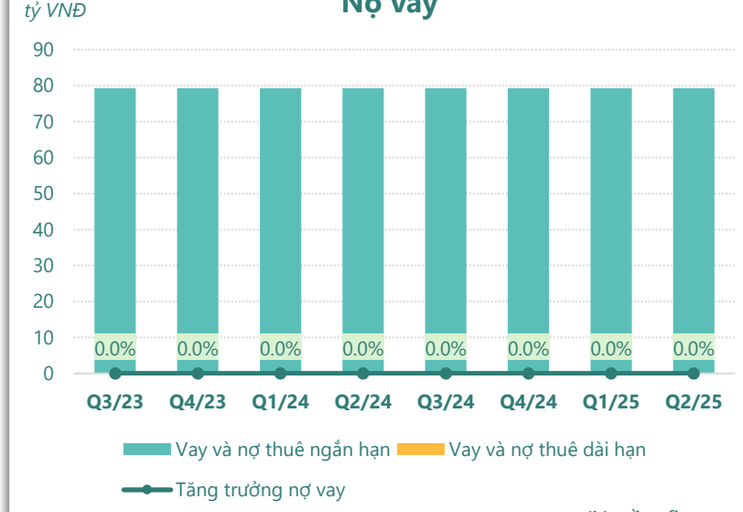
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

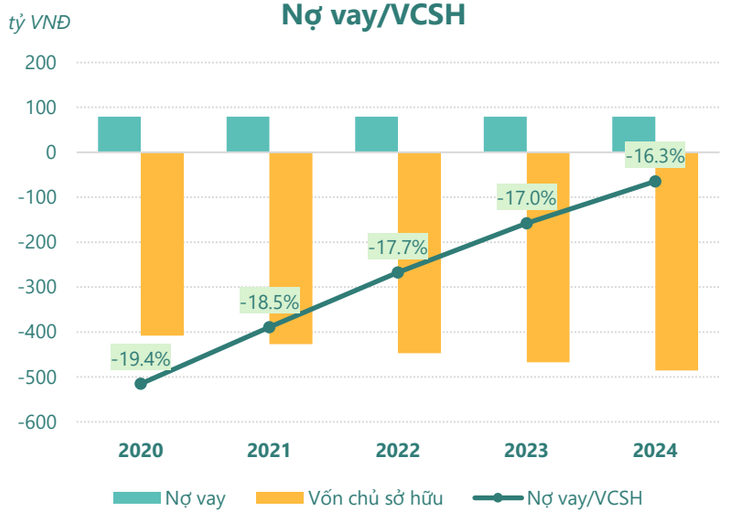
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



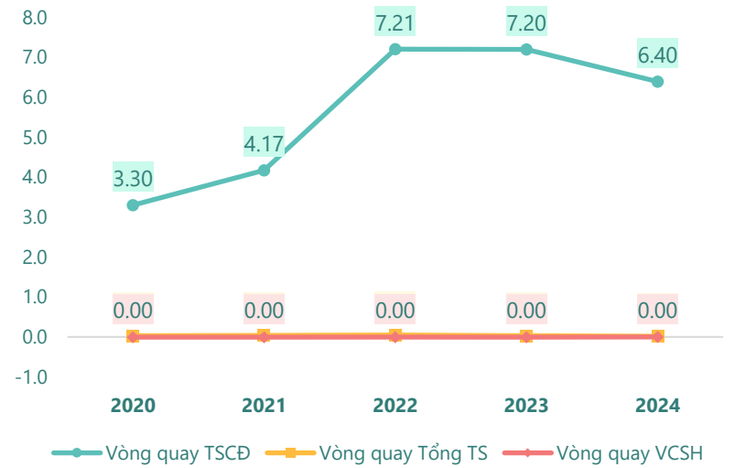
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



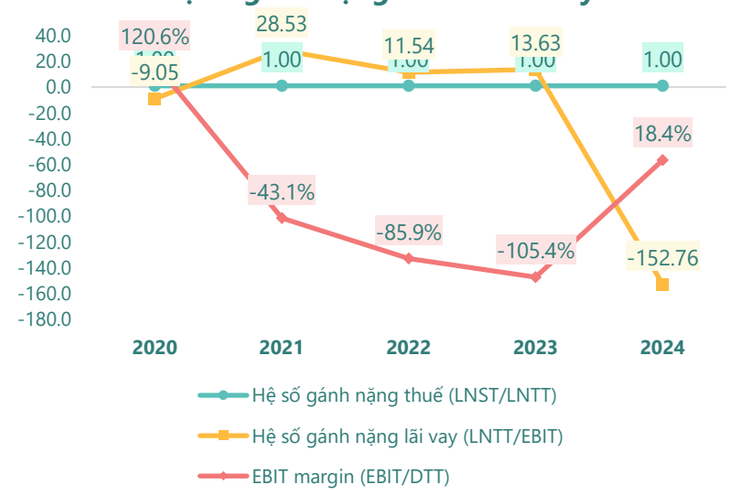
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



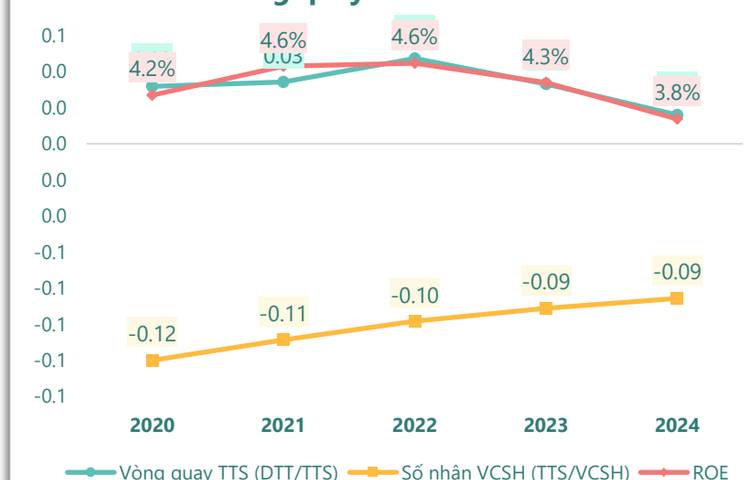
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



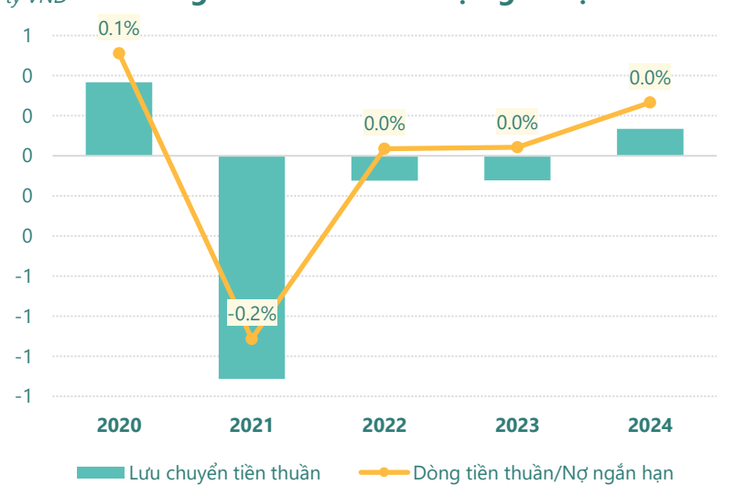
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.02**	**0.11**	**-84.7%**	**0.18**	**0.28**	**-37.0%**
Giá vốn hàng bán	0.13	0.13	-3.1%	0.26	0.20	30.4%
Lợi nhuận gộp	-0.11	-0.02	-446%	-0.08	0.08	-207%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-77.6%
Chi phí TC	4.60	4.59	0.2%	9.18	9.19	0.0%
Chi phí lãi vay	4.60	4.59	0.2%	9.18	9.19	0.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.12**	**0.07**	**69.8%**	**0.40**	**0.38**	**3.3%**
LN thuần từ HĐKD	-4.83	-4.68	-3.2%	-9.66	-9.49	-1.8%
Lợi nhuận khác	**-0.16**	**-0.09**	**-78.6%**	**-0.18**	**-0.12**	**-55.3%**
LN trước thuế	-4.99	-4.77	-4.6%	-9.85	-9.61	-2.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-4.99**	**-4.77**	**-4.6%**	**-9.85**	**-9.61**	**-2.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-4.99**	**-4.77**	**-4.6%**	**-9.85**	**-9.61**	**-2.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.05	0.00	0.45	-0.26	-0.05	-0.09
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.08	0.02	0.02	0.47	0.21	0.16
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.05**	**0.00**	**0.45**	**-0.26**	**-0.05**	**-0.09**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.02	0.02	0.47	0.21	0.16	0.07

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**40.2**	**40.7**	**-1.1%**
Tài sản ngắn hạn	39.5	39.8	-0.8%
Tiền và tương đương tiền	0.07	0.21	-68.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	24.8	24.9	-0.7%
Hàng tồn kho	14.4	14.4	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.20	0.19	3.1%
Tài sản dài hạn	**0.79**	**0.93**	**-14.8%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	0.03	0.06	-44.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.23	0.23	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.53**	**0.64**	**-17.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	536	526	1.8%
Nợ ngắn hạn	**536**	**526**	**1.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	79.2	79.2	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	125	125	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-495**	**-486**	**-2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**-495**	**-486**	**-2.0%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)